

Số: /BC-STP

An Giang, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Quyết định quy định mức trần chi phí chứng thực trên địa bàn tỉnh An Giang

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật. Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định dự thảo Quyết định quy định mức trần chi phí chứng thực trên địa bàn tỉnh An Giang và báo cáo kết quả như sau:

I. TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP VÀ TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

Ngày 12/12/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quyết định số 88/2017/QĐ-UBND về việc quy định mức trần chi phí chứng thực trên địa bàn tỉnh An Giang.

Ngày 01/7/2025 Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quyết định số 165/QĐ-UBND về việc áp dụng quyết định quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang và Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành trước ngày 01/7/2025 thuộc lĩnh vực tư pháp. Theo đó, Quyết định số 88/2017/QĐ-UBND tiếp tục được áp dụng trên phạm vi đơn vị hành chính tỉnh An Giang mới đến khi có văn bản thay thế hoặc bãi bỏ.

Tại khoản 1 Điều 54 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định:

“Điều 54. Quy định chuyển tiếp

1. Chậm nhất là ngày 01 tháng 3 năm 2027, các văn bản quy phạm pháp luật có nội dung quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và quy định khác có liên quan của chính quyền địa phương các cấp phải được sửa đổi, bổ sung để bảo đảm phù hợp với tổ chức đơn vị hành chính, các nguyên tắc và các nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền địa phương các cấp quy định tại Luật này.

... ”.

Tại khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, quy định:

“Điều 11. Rà soát, xử lý văn bản

2. Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027.”.

Tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực giao dịch, quy định:

“3. Trong trường hợp người yêu cầu chứng thực đề nghị cơ quan thực hiện chứng thực in, chụp, đánh máy giấy tờ, văn bản thì phải nộp chi phí để thực hiện việc đó.

Ở trong nước, mức trần chi phí do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quy định trên cơ sở thực tế của địa phương; ở nước ngoài, mức chi phí do Trưởng Cơ quan đại diện quy định trên cơ sở thực tế của địa bàn.”.

Tại điểm a khoản 2 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“Điều 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định:

a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;”.

Căn cứ các quy định trên, Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định mức trần chi phí chứng thực trên địa bàn tỉnh An Giang **là cần thiết và đúng thẩm quyền.**

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH CỦA DỰ THẢO

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức trần chi phí do người yêu cầu chứng thực đề nghị Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh An Giang in, chụp, đánh máy giấy tờ, văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính,

chứng thực chữ ký và chứng thực giao dịch được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 280/2025/NĐ-CP.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh; cán bộ, công chức có liên quan đến công tác chứng thực và các tổ chức, cá nhân có yêu cầu chứng thực theo quy định.

III. DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

IV. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC SOẠN THẢO VĂN BẢN

1. Ngày 14/4/2026, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Công văn số 6134/VP-NC chấp thuận đăng ký xây dựng Quyết định quy định mức trần chi phí chứng thực trên địa bàn tỉnh An Giang.

2. Sở Tư pháp đã gửi lấy ý kiến các đơn vị có liên quan đối với dự thảo Quyết định quy định mức trần chi phí chứng thực trên địa bàn tỉnh An Giang; đăng tải hồ sơ dự thảo Quyết định trên Cổng thông tin điện tử tỉnh để lấy ý kiến; tổng hợp kết quả, giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý trước khi thẩm định.

V. KẾT LUẬN

Dự thảo Quyết định quy định mức trần chi phí chứng thực trên địa bàn tỉnh An Giang đảm bảo điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, quyết định thông qua.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Quyết định quy định mức trần chi phí chứng thực trên địa bàn tỉnh An Giang./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Văn Phòng UBND tỉnh;
- Giám đốc, Phó Giám đốc Sở;
- Phòng HCBTTP;
- Cổng TTĐT Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDTHPL, dtcnhung.

GIÁM ĐỐC

Trịnh Tuấn Ngọc